

CÔNG TY CP DỊCH VỤ BẾN THÀNH
(BTSC)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 28 /CV-BTSC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 05 năm 2018

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Báo cáo thường niên năm 2017 Công ty CP Dịch vụ Bến Thành.

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

I. Giới thiệu về tổ chức công bố thông tin

- Tên tổ chức : **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH.**
- Mã chứng khoán : BSC.
- Địa chỉ trụ sở chính : 390 Nguyễn Công Trứ, P. Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. HCM.
- Điện thoại : (028) 3914 0932 – 3914 0933.
- Fax : (028) 3914 0934.
- Người được ủy quyền CBTT: Ông Trương Quang Thống – Phó Tổng Giám đốc.
- Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ.

II. Nội dung công bố thông tin

Báo cáo thường niên năm 2017 Công ty CP Dịch vụ Bến Thành.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn www.btsc.com.vn.

Chúng tôi cam kết nội dung thông tin công bố trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

TRƯƠNG QUANG THỐNG

CÔNG TY CP DỊCH VỤ BẾN THÀNH



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2017**

03/2018

MỤC LỤC

I- THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát-----	1
Quá trình hình thành và phát triển -----	1
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh -----	4
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức KD và bộ máy quản lý -----	5
4. Định hướng phát triển-----	10
5. Các rủi ro -----	10

II- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh-----	11
2. Tổ chức và nhân sự -----	12
3. Tình hình đầu tư -----	16
4. Tình hình tài chính -----	17
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu -----	18

III- BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh -----	18
2. Tình hình tài chính -----	19
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý -----	19
4. Kế hoạch phát triển năm 2018 -----	20

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty -----	22
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban TGD Công ty -----	22
3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT-----	23

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị -----	23
2. Ban kiểm soát -----	26
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và BKS ----	27

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Phụ lục số II – Báo cáo thường niên

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH
- Tên tiếng Anh : BEN THANH SERVICE JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : BTSC

- Logo:



- Trụ sở chính : 390 Nguyễn Công Trứ, P. Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. HCM.
- Điện thoại : (84-28) 3914 0932 – (84.28) 3914 0933
- Fax : (84-28) 3914 0934
- Website : www.btsc.com.vn
- Email : benthanh1@btsc.com.vn
- Giấy CNĐKDN : Mã số DN 0305246978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 04/10/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 14/11/2016.
- Vốn điều lệ hiện tại : **31.507.470.000** (Ba mươi một tỷ năm trăm lẻ bảy triệu bốn trăm bảy mươi ngàn đồng).
- Mã cổ phiếu : BSC

❖ Quá trình hình thành và phát triển

a. Việc thành lập

Tiền thân của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành (BTSC) là Công ty Thương mại Dịch vụ Bến Thành (BTS).

Công ty Thương mại Dịch vụ Bến Thành (BTS) được thành lập theo Quyết định số 14A/QĐ-TL-2003 ngày 04/12/2003 của Tổng Công ty Bến Thành, trên cơ sở sáp nhập 03 đơn vị hạch toán phụ thuộc Sunimex là Trung tâm Thương mại Dịch vụ, Trạm dịch vụ kho vận Sunimex, Xưởng chế biến thủy hải sản xuất khẩu. Đến tháng 10/2004 sáp nhập thêm Công ty Nông sản thực phẩm Bến Thành và Xưởng gỗ thuộc Công ty Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Bình Chiểu.

b. Chuyển đổi sở hữu thành Công ty Cổ phần

Ngày 09/8/2006, Công ty Thương mại Dịch vụ Bến Thành (BTS) bắt đầu thực hiện Cổ phần hóa Doanh nghiệp theo Quyết định số 3629/QĐ-UBND ngày 9/8/2006 của UBND TP.HCM v/v thành lập Ban chỉ đạo CPH DNNN Công ty Thương mại Dịch vụ Bến Thành là đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Bến Thành.

Ngày 01/11/2007, Công ty Thương mại Dịch vụ Bến Thành (BTS) đã chính thức chuyển đổi hình thức hoạt động từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần với tên gọi mới là Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành (BTSC), theo Quyết định số 3127/QĐ-UBND ngày 16/07/2007 của UBND TP.HCM về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Thương mại Dịch vụ Bến Thành thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành (BTSC), trong đó vốn nhà nước chiếm 45% vốn điều lệ Công ty.

c. Quá trình tăng vốn điều lệ

Thời gian	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Giá trị tăng (tỷ đồng)	Nội dung
04/10/2007	10	-	Vốn điều lệ ban đầu khi chuyển sang công ty cổ phần.
Tháng 03/2008	30	20	Chào bán riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:2, giá chào bán 10.000 đồng/cổ phiếu, số lượng cổ phiếu chào bán 2.000.000 cổ phiếu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 17/2007/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/12/2007
Tháng 10/2011	31.5	1.5	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2011 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/4/2011.

d. Các sự kiện quan trọng khác

- Ngày 19/12/2007, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã công nhận Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành trở thành công ty đại chúng theo Luật Chứng khoán.
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành tham gia góp vốn cùng 6 đơn vị thành viên của Tổng Công ty Bến Thành (BENTHANH GROUP) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông (OCB) để thành lập Công ty Cổ phần Sản giao dịch bất động sản Bến Thành theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0308322190 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Ngày 28/5/2010, Công ty CP Dịch vụ Bến Thành tham gia góp vốn thành lập Công ty CP Xe máy Bến Thành theo Quyết định số 01/HĐQT và đã được Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310092385 ngày 28/6/2010.
- Ngày 28/5/2010, Công ty CP Dịch vụ Bến Thành tham gia góp vốn thành lập Công ty CP Giao nhận Bến Thành theo Quyết định số 02/HĐQT và đã được Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310074516 ngày 21/6/2010.
- Ngày 26/3/2010, Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty đã thông qua quyết định đăng ký niêm yết cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Ngày 28/10/2010, Công ty đã nhận Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp và ngày 03/11/2010, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đã cấp quyết định chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành trên sàn Hà Nội. Ngày 05/01/2011, cổ phiếu BSC của Công ty chính thức giao dịch trên sàn Hà Nội.
- Ngày 24/08/2011, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Giấy chứng nhận số 90/GCN-UBCK v/v đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Công ty CP Dịch vụ Bến Thành. Ngày 28/10/2011 kết thúc đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ.
- Ngày 01/8/2012, Công ty CP Dịch vụ Bến Thành tham gia góp vốn thành lập Công ty CP TNHH Bến Thành – Nam Á theo Quyết định số 09/QĐ-HĐQT và đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311941803 ngày 23/8/2012.
- Tháng 10/2013, thoái vốn tại Công ty CP Xe máy Bến Thành.
- Tháng 11/2014, thoái vốn tại Công ty CP TNHH Bến Thành – Nam Á
- Tháng 6/2015, giải thể Chi nhánh Công ty CP Dịch vụ Bến Thành tại Bình Dương

- Năm 2015, thoái vốn tại Công ty CP Đầu tư Bến Thành Việt.
- Ngày 16/6/2017, Công ty CP Dịch vụ Bến Thành tham gia góp vốn thành lập Công ty CP Bến Thành Nhất Việt và đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0314464644.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

a. Ngành nghề đăng ký kinh doanh

- Mua bán các mặt hàng gia dụng, lương thực - thực phẩm, lâm - thủy - hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu thủ công nghiệp, máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư ngành công - nông nghiệp, hóa chất, nguyên vật liệu ngành xây dựng, hàng trang trí nội thất, hương liệu, hoa tươi, hoa khô, hoa nhựa, nữ trang, vàng, bạc, đá quý, văn hóa phẩm (trừ băng đĩa nhạc, hình), văn phòng phẩm, quần áo, giày dép, mỹ phẩm, hóa mỹ phẩm, rượu, bia, nước giải khát.
- Kinh doanh lữ hành nội địa - quốc tế. Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống, kinh doanh khu vui chơi giải trí (không kinh doanh khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi tại trụ sở Công ty).
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, bằng đường thủy nội địa. Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, theo hợp đồng. Dịch vụ giao nhận hàng hóa.
- Cho thuê văn phòng, căn hộ, nhà xưởng, kho bãi. Kinh doanh dịch vụ quảng cáo thương mại. Dịch vụ quản lý bất động sản.
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh cảng biển, khu công nghiệp. Kinh doanh bất động sản (tư nhân giá bất động sản).
- Tư vấn xây dựng (trừ thiết kế công trình, khảo sát xây dựng, giám sát thi công). Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp.
- Mua bán, sửa chữa, bảo hành đồng hồ, điện thoại, xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng, thiết bị ngoại vi và linh kiện, hàng kim khí điện máy, hàng điện tử, thiết bị viễn thông.
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.
- Dịch vụ photocopy.
- Đại lý bảo hiểm.
- Camera, hoa tươi.
- Tư vấn, môi giới, đầu tư bất động sản. Sàn giao dịch bất động sản.
- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán).
- Quảng cáo. Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận.
- Điều hành tour du lịch.

- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.
- Bán lẻ máy vi tính, phần mềm. Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (trừ gia công cơ khí, xi mạ điện).
- Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi xuống). Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá.
- Lắp ráp linh kiện vi tính (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện).
- Lắp ráp camera, thiết bị báo động - báo cháy.
- Lắp ráp thiết bị điện tử (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện).
- Bán buôn thiết bị camera quan sát, thiết bị báo động-báo cháy. Bán buôn camera.
- Lắp đặt hệ thống điện (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh.
- Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh (Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh).
- Hoạt động trang trí nội thất.
- Bán buôn thực phẩm: Bán buôn, xuất nhập khẩu rau, quả, trái cây (không hoạt động tại trụ sở).
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống: bán buôn cây cảnh, hoa (không hoạt động tại trụ sở).
- Bán buôn vỏ xe.
- Mua bán xăm lốp, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của các loại xe có động cơ.
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy.

b. Địa bàn kinh doanh: Thành phố Hồ Chí Minh

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. Mô hình quản trị

Mô hình quản trị doanh nghiệp áp dụng tại Công ty CP Dịch vụ Bến Thành bao gồm:

Đại hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc chức năng.

Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc Công ty quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của khối thông qua Phó Tổng Giám đốc phụ trách khối.

b. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Công ty được quản lý và điều hành theo cơ cấu tổ chức gồm:

❖ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT	: Bà NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG
Thành viên HĐQT	: Ông VŨ ĐÌNH THI
Thành viên HĐQT	: Ông TRƯƠNG QUANG THÔNG
Thành viên HĐQT	: Ông BÙI TUẤN NGỌC
Thành viên HĐQT	: Ông BÙI MINH TUẤN

❖ BAN KIỂM SOÁT

Trưởng BKS	: Bà LẠI THỊ THANH PHƯƠNG
Thành viên BKS	: Ông PHẠM TUẤN CƯỜNG
Thành viên BKS	: Ông ĐÀO PHÚC LONG PHI

❖ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

Quyền Tổng Giám đốc	: Ông VŨ ĐÌNH THI
Phó Tổng Giám đốc	: Ông TRƯƠNG QUANG THÔNG

❖ CÁC BỘ PHẬN CHỨC NĂNG:

● **Bộ phận Hành chánh Nhân sự:**

- Tham mưu giúp việc cho HĐQT và Tổng Giám đốc trong quản lý điều hành công tác Tổ chức – Lao động tiền lương – Hành chánh – PR
- Giám đốc Bộ phận: Ông **TRẦN ANH PHÚ**

● **Bộ phận Đầu tư:**

- Tham mưu giúp việc cho HĐQT và Tổng Giám đốc trong quản lý điều hành công tác đầu tư.

- Nghiên cứu, đề xuất phương hướng, chiến lược, dự án đầu tư phù hợp với nguồn lực Công ty trong từng giai đoạn phát triển.
- Quản lý dự án đầu tư (quá trình lập, thẩm định, triển khai dự án...)
- Nghiên cứu đề xuất, lựa chọn đối tác đầu tư liên doanh, liên kết.
- Giám đốc Bộ phận: Bà **ĐẶNG NGUYỄN NHẬT MINH**
- Bộ phận Kế toán Tài chính:
 - Tham mưu giúp việc cho HĐQT và Tổng Giám đốc trong hạch toán kinh tế toàn Công ty, các Đơn vị trực thuộc.
 - Giám đốc Bộ phận kiêm Kế toán trưởng: Bà **VÕ THÚY HẠNH**

❖ **CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC:**

1. Trung tâm Dịch vụ Bến thành
2. Trung tâm Kinh doanh Nhà hàng & Khách sạn Đakao
3. Trung tâm Dịch vụ Kho vận
4. Nhà hàng Bến Thành

❖ **CÔNG TY LIÊN KẾT:**

• **Công ty CP Giao nhận Bến Thành**

- Địa chỉ: 236-238 Nguyễn Công Trứ, Q.1, TP.HCM
- Điện thoại: (84-8) 39144655
- Fax: (84-8) 39208794

Đại lý giao nhận và vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường biển và hàng không.

Năm 2017, hoạt động kinh doanh của Công ty CP Giao nhận Bến Thành giảm mạnh, lỗ hơn 421 triệu đồng.

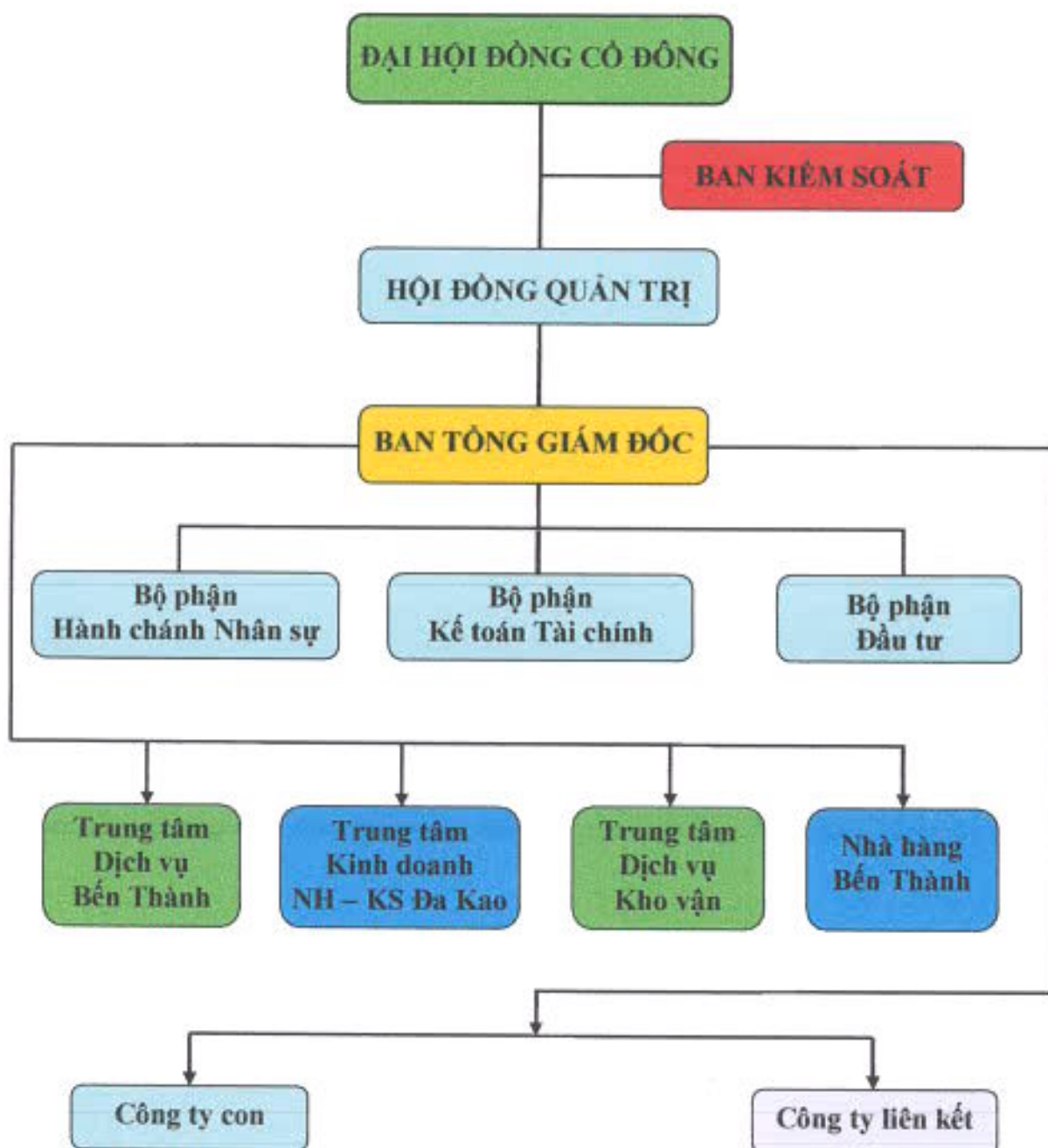
❖ **CÔNG TY CON:**

• **Công ty CP Bến Thành Nhất Việt**

- Địa chỉ: 47 Phan Chu Trinh, P. Bến Thành, Quận 1, TP. HCM.
- Điện thoại: (84-28) 3823 8595

Công ty thực hiện đầu tư vào dự án kinh doanh dịch vụ lưu trú Hostel. Hiện công trình đã hoàn tất công tác cải tạo mặt bằng và triển khai hoạt động kinh doanh chính thức vào ngày 14/12/2017.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG



4. Định hướng phát triển

a. Mục tiêu chiến lược

- Các lĩnh vực kinh doanh chính :
 - Thương mại dịch vụ: kinh doanh dịch vụ kho vận, dịch vụ logistics,
 - Nhà hàng và khách sạn,
 - Dịch vụ bất động sản,
 - Dịch vụ đầu tư tài chính.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Sắp xếp lại các lĩnh vực kinh doanh, thu hẹp các lĩnh vực kinh doanh kém hiệu quả, duy trì và phát triển tập trung và có sự phối hợp đồng bộ các lĩnh vực còn lại, cũng như mở rộng phát triển một số lĩnh vực có tỉ lệ tăng trưởng và tỉ suất lợi nhuận cao.

- Xây dựng hệ thống Nhà hàng, khách sạn.
- Phát triển và đa dạng hóa các hoạt động thương mại – dịch vụ lưu trú.
- Đẩy mạnh các dự án khi có cơ hội thuận lợi và tìm kiếm các dự án mới.

- Từng bước hoàn chỉnh cơ cấu tổ chức và nhân sự, xây dựng cơ chế lương thưởng, đào tạo mới nhằm động viên khuyến khích nhân viên làm việc hiệu quả và chuyên nghiệp, nâng cao hiệu quả kinh doanh cho công ty.

- Tái cơ cấu vốn, tập trung phát triển những lĩnh vực kinh doanh hiệu quả, liên kết với các đối tác có năng lực để cùng phát triển trong một số lĩnh vực nhằm đạt được các mục tiêu đã đề ra.

- Chú trọng đầu tư cho công tác marketing, quảng bá thương hiệu, nâng cao hình ảnh của công ty, xác lập vị thế trong đàm phán với các đối tác và khách hàng, tăng cường năng lực cạnh tranh trong các hoạt động kinh doanh.

c. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- Hỗ trợ chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của CBNV và tham gia các hoạt động xã hội như phong trào đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo.

5. Các rủi ro

- Nguồn lực về cơ sở vật chất của Công ty còn hạn chế. Cơ sở vật chất nhỏ lẻ, manh mún.

- Một số cơ sở kinh doanh đang thuê của các đơn vị khác có thời gian thuê ngắn hạn (thuê hàng năm), giá thuê không ổn định làm ảnh hưởng đến định hướng phát triển lâu dài.

- Nguyên nhân thị trường ngày càng nhiều đối thủ cạnh tranh gây nhiều trở ngại trong việc đẩy mạnh phát triển kinh doanh các dịch vụ của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH 2017	THỰC HIỆN 2017	SS TH/KH 2017
1	Tổng doanh thu	Trđ	20.000	24.902	124,51%
2	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	1.000	1.139	113,9%
3	Lợi nhuận sau thuế	Trđ		936,65	
4	Vốn điều lệ	Trđ	31.507,47	31.507,47	
5	Tỷ lệ cổ tức/ VDL	%	2%	2%	

b. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Nhìn chung, năm 2017 là một năm khó khăn, thách thức đối với doanh nghiệp. Tuy nhiên, vượt qua những khó khăn, thách thức và tận dụng được các cơ hội, Công ty đã đảm bảo được chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận năm 2017 do ĐHĐCĐ và HĐQT đề ra. Có được kết quả trên là nhờ sự chỉ đạo, quan tâm sâu sát của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng sự cố gắng và nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty.

• Toàn Công ty

- Doanh thu năm 2017 của toàn Công ty đạt 24.9 tỷ đồng, giảm nhiều so với cùng kỳ 2016 vì lý do: trong năm 2016, Công ty thực hiện việc chuyển nhượng nhà 136 – 137 Bến Chương Dương nên phát sinh doanh thu bất thường gần 23,5 tỷ đồng.
- Lợi nhuận toàn Công ty năm 2017 đạt 1,14 tỷ đồng, tăng 14% so với kế hoạch 2017.

• Trung tâm Dịch vụ Bến Thành

- Doanh thu năm 2017 của Trung tâm Dịch vụ Bến Thành đạt 6,05 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế đạt 1,6 tỷ đồng, giảm 25,6% so với kế hoạch 2017 và đạt 83,9% so với năm 2016. Nguyên nhân là do hoạt động kinh doanh của Benthanch Camera còn khó khăn, chưa khắc phục được tình trạng lỗ, dẫn đến Trung tâm chưa hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2017.

- Trung tâm Dịch vụ Kho vận

- Doanh thu thực hiện năm 2017 của Trung tâm Dịch vụ Kho vận là 1,25 tỷ đồng, giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2016 vì trung tâm không còn hoạt động kinh doanh kho vận. Lợi nhuận trước thuế của Trung tâm lỗ 65 triệu đồng. Nguyên nhân Trung tâm phát sinh lỗ vì 04 tháng đầu năm vẫn còn các chi phí hoạt động của Trung tâm nhưng lại không có doanh thu từ hoạt động kinh doanh kho.
- Về kinh doanh hoa của Benthánh Flower, doanh thu ước thực hiện năm 2017 là 1,25 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 141 triệu đồng. Hiện nay, Benthánh Flower đang tiếp tục đẩy mạnh hoạt động marketing và tìm kiếm thêm khách hàng mới để tăng hiệu quả hơn.

- Trung tâm kinh doanh Nhà hàng - Khách sạn ĐaKao

- Trong năm 2017, doanh thu của Trung tâm đạt 2,8 tỷ đồng, giảm 11,6% so với cùng kỳ năm 2016.
- Công trình liên kế Khách sạn đang tiến hành xây dựng, gây ô nhiễm môi trường, tiếng ồn và ảnh hưởng đến kết cấu hiện trạng Khách sạn, dẫn đến lượng khách hàng giảm mạnh. Điều này dẫn đến tình hình kinh doanh của Khách sạn trong năm 2017 bị ảnh hưởng nặng nề. Ban Tổng Giám đốc đã kết hợp với Trung tâm theo dõi, giám sát chặt chẽ để đưa ra các giải pháp kịp thời và thích hợp. Tuy Trung tâm không hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2017 nhưng vẫn đảm bảo không rơi vào tình trạng lỗ, cụ thể lợi nhuận trước thuế của Khách sạn Đa Kao đạt 20 triệu đồng.

- Tình hình hoạt động kinh doanh của các Công ty liên kết

- Tình hình kinh doanh tại công ty CP Giao nhận Bến Thành giảm mạnh so với năm trước. Năm 2017, Công ty lỗ 421 triệu đồng.
- Công ty CP Bến Thành Nhất Việt được thành lập từ tháng 06/2017 với ngành nghề kinh doanh chính là dịch vụ lưu trú Hostel. Hiện công trình đã hoàn tất công tác cải tạo mặt bằng và triển khai hoạt động kinh doanh chính thức vào ngày 14/12/2017.

2. Tổ chức và nhân sự

a. Danh sách Ban điều hành

Ông VŨ ĐÌNH THI	: Quyền Tổng Giám đốc
Ông TRƯƠNG QUANG THÔNG	: Phó Tổng Giám đốc
Bà VÕ THÚY HẠNH	: Kế toán trưởng

b. Tóm tắt lý lịch cá nhân Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**❖ Ông Vũ Đình Thi – Quyền Tổng Giám đốc**

- CMND số : 025503725 do CA TP.HCM cấp ngày 12/7/2011
- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1978
- Nơi sinh : Đà Nẵng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nam Định
- Địa chỉ thường trú : 124/28 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.21, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08. 39140930
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

2003 – 2006	Trưởng Bộ phận kinh doanh Công ty Giám định hàng xuất nhập khẩu (FCC)
2006 – 2009	Phó Giám đốc khối Đầu tư – Kinh doanh Công ty CP Đầu tư Địa Ốc Bến Thành.
2009 - T05/2015	Tổng Giám đốc Công ty CP Dịch vụ - Thương mại Thủ Đô.
T06/2015 - T11/2016	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Dịch vụ Bến Thành
T11/2016 - nay	Quyền Tổng Giám đốc Công ty CP Dịch vụ Bến Thành

- Chức vụ công tác hiện nay : Quyền Tổng Giám đốc
- Chức vụ công tác tại các tổ chức khác : không
- Đại diện Tổng Công ty Bến Thành nắm giữ số cổ phần tại Công ty: 371.105 CP
- Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với công ty : không
- Hành vi vi phạm pháp luật : không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

❖ Ông **Trương Quang Thống** – Phó Tổng Giám đốc

- CMND số : 020360325 do CA TP. HCM cấp ngày 21/12/2004
- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1962
- Nơi sinh : Hà Tĩnh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Tiền Giang
- Địa chỉ thường trú : 03 Phan Kế Bính, P.Đa Kao, Q.1, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 39208793
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân
- Quá trình công tác:

1996 – 2001	Phó Phòng Kế hoạch Tổng Công ty Bến Thành
2004 - 2007	Phó Giám đốc Công ty TMDV Bến Thành
2007 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Dịch vụ Bến Thành

- Chức vụ công tác hiện nay : Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ công tác tại các tổ chức khác : không
- Đại diện Tổng Công ty Bến Thành nắm giữ số cổ phần tại Công ty: 296 884CP
- Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan. không
- Các khoản nợ đối với công ty : không
- Hành vi vi phạm pháp luật : không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

❖ Bà **Võ Thúy Hạnh** – Kế toán trưởng

- CMND số : 022542470 do CA TP. HCM cấp ngày 04/11/2009
- Giới tính : Nữ

- Năm sinh : 1964
- Nơi sinh : Hải Phòng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Vĩnh Long
- Địa chỉ thường trú : 120E/3 Đinh Tiên Hoàng, P.Đa Kao, Q.1, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 39140936
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân
- Quá trình công tác:

01/1987 – 07/1988	Kế toán tổng hợp Công ty nông sản thực phẩm Q.1
08/1988 – 09/2004	Kế toán trưởng Công ty nông sản thực phẩm Q.1 (sau là Công ty Nông sản thực phẩm Bến Thành)
10/2004 – 08/2005	Kế toán phó Công ty TMDV Bến Thành
09/2005 – 11/2007	Kế toán trưởng Công ty TMDV Bến Thành
11/2007 đến nay	Kế toán trưởng Công ty CP Dịch vụ Bến Thành

- Chức vụ công tác hiện nay : Kế toán trưởng
- Chức vụ công tác tại các tổ chức khác : không
- Chức vụ công tác tại các tổ chức khác : không
- Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với công ty : không
- Hành vi vi phạm pháp luật : không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

c. Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có

d. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

- Lực lượng lao động của Công ty có mặt vào thời điểm ngày 31/12/2017

STT	Phân loại lao động	Số lượng lao động (người)	
		Nam	Nữ
Phân theo trình độ học vấn			
1	Đại học và trên đại học	06	11
2	Cao đẳng, trung cấp CNKT	06	04
3	Phổ thông	09	04
Tổng cộng		21	19
Phân theo phân công lao động			
1	Lao động trực tiếp	14	06
2	Lao động gián tiếp	07	13
Tổng cộng		21	19

• **Chính sách đối với người lao động**

Được coi là công tác không kém phần quan trọng trong việc duy trì và phát triển nguồn lực. Do vậy, Công ty luôn quan tâm và đảm bảo thực hiện chế độ đối với người lao động đầy đủ và kịp thời, kết quả thực hiện như sau:

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 vào tháng 04/2017.
- Năm 2017, Công ty đã thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách cho người lao động, 100% CBNV được Công ty ký hợp đồng lao động và thực hiện đầy đủ các chế độ khác như : BHXH, BHYT, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động.
- Thực hiện các công việc hành chính khác cụ thể: tổ chức tham quan nghỉ dưỡng, thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho CBNV,...
- Thực hiện điều chỉnh Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Ban TGD đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật.
- Về công tác nhân sự, thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động theo Thỏa ước lao động tập thể đã ký.
- Tổng số nhân sự hiện tại của Công ty là 41 người với mức thu nhập bình quân là 8.000.000 đồng/tháng.

3. Tình hình đầu tư:

- Triển khai chiến lược kinh doanh của Công ty giai đoạn 2017 – 2020, Công ty đã thực hiện việc rà soát lại tổng thể các mặt bằng. Từ đó, xây dựng kế hoạch kinh doanh cụ thể cho từng mặt bằng để tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh.

- Phân tích và đề xuất các phương án hiệu quả cho các dịch vụ kinh doanh, hợp tác đầu tư thực hiện các dự án phát triển trong dài hạn của Công ty.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2016	2017	Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	44.757	46.576	+ 1.819
Doanh thu thuần	50.045	24.902	- 25.143
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	838	1.140	+ 302
Lợi nhuận khác			
Lợi nhuận trước thuế	1.318	(0,6)	-1.318,6
Lợi nhuận sau thuế	2.156	1.140	-1.016
	1.645	937	- 708

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	2016	2017	Ghi chú
1. Cơ cấu tài sản và nguồn vốn			DVT: %
- Cơ cấu tài sản:			
+ Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	88,29	85,07	
+ Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	11,71	14,93	
- Cơ cấu nguồn vốn			
+ Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	19,68	21,41	
+ Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	80,32	78,59	
2. Khả năng thanh toán			DVT: lần
- Khả năng thanh toán ngắn hạn	13,22	11,27	
- Khả năng thanh toán	13,22	11,29	
3. Tỷ suất sinh lời			DVT: %
- Tỷ suất lợi nhuận gộp/ Doanh thu thuần	30,59	49,24	
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu	3,47	4,14	

thuần	4,58	2,56	
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	3,68	2,01	
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần

- Tổng số cổ phần : 3.150.747 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành : cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 3.150.747 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông

Các dữ liệu thống kê về cổ đông theo danh sách cổ đông chốt ngày 04/10/2017:

STT	Danh mục	Số lượng cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	% Vốn điều lệ	Số lượng cổ đông
1	Cổ đông lớn	2.757.797	27.577.970	87,53%	04
2	Cổ đông nhỏ	392.950	3.929.500	12,47%	102
	Tổng cộng	3.150.747	31.507.4	100%	106
3	Cổ đông tổ chức	2.946.907	29.469.070	93,5%	09
4	Cổ đông cá nhân	203.840	2.038.400	6,5%	97
	Tổng cộng	3.150.747	31.507.4	100%	106
5	Cổ đông trong nước	2.998.747	29.987.4	95,2%	105
6	Cổ đông nước ngoài	152.000	1.520.000	4,8%	01
	Tổng cộng	3.150.747	31.507.4	100%	106
7	Cổ đông Nhà nước	1.484.420	14.844,2	47,1%	01

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Về doanh thu

Doanh thu năm 2017 công ty thực hiện **24,9 tỷ đồng** đạt **124,5%** kế hoạch đề ra.

b. Về lợi nhuận

Lợi nhuận thực hiện **1,139 tỷ đồng** đạt **113,9%** kế hoạch đề ra.

c. Những tiến bộ Công ty đã đạt được

- Đảm bảo chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận năm 2017 của toàn Công ty do DHDCD và HDQT đề ra.

- Triển khai chiến lược kinh doanh của Công ty CP Dịch vụ Bến Thành và các Trung tâm năm 2018.

- Triển khai hoạt động kinh doanh dịch vụ lưu trú Hostel, hiện đã hoàn tất công tác cải tạo sửa chữa và chính thức hoạt động kinh doanh

- Chủ động tìm kiếm đối tác nâng cao hiệu quả kinh doanh của các mặt bằng do Công ty sở hữu, thuê kinh doanh, khai thác tạm.

- Đề ra phương án kinh doanh mới nhằm tạo bước chuyển hướng, đẩy mạnh marketing để tìm kiếm nhiều nguồn khách hàng, thúc đẩy phát triển hoạt động kinh doanh camera và hoa tươi.

d. Những mặt tồn tại, hạn chế

- Các đơn vị còn chưa chủ động trong việc triển khai các kế hoạch kinh doanh đã được chi đạo, nhiều phương án kinh doanh được đề ra chưa phát huy được hiệu quả như trong hoạt động kinh doanh camera.

- Các mặt bằng được thuê kinh doanh, khai thác tạm trong thời gian ngắn nên rất khó khăn trong việc tìm kiếm đối tác phù hợp.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

- Tổng tài sản năm 2017 : 46,58 tỷ đồng

- Tổng tài sản năm 2016 : 44,76 tỷ đồng

Tình hình tài sản của Công ty không có biến động lớn ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh.

b. Tình hình nợ phải trả

- Tình hình tài chính lành mạnh, không có nợ xấu, nợ khó đòi.

- Khả năng thanh toán được đảm bảo.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Công ty đã xây dựng được chiến lược kinh doanh để xác định những định hướng cần phát triển tập trung và cần mở rộng để đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng doanh số ổn định, và hiệu quả trong lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Đã thực hiện tái cơ cấu bộ máy tổ chức và quản lý của Công ty, lực lượng cán bộ trẻ có trình độ, có năng lực và năng động hơn, thích ứng được với mô hình Công ty niêm yết, với yêu cầu phát triển, chiến lược kinh doanh đã được hoạch định, đáp ứng được yêu cầu của định hướng phát triển cũng như sự cạnh tranh ngày càng gay gắt của cơ chế thị trường và xu thế hiện nay.
- Thực hiện điều chỉnh Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Ban TGD đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật đồng thời tăng cường trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của Ban điều hành để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

4. Kế hoạch phát triển năm 2018

a. Thực hiện chỉ tiêu kế hoạch năm 2018

- Tổng doanh thu : 22 tỷ
- Lợi nhuận trước thuế : 1,5 tỷ
- Cổ tức tối thiểu : 3%

b. Về hoạt động kinh doanh

- Hoàn thành kế hoạch doanh thu 22 tỷ đồng và lợi nhuận 1,5 tỷ đồng.
- Thống nhất với Tổng Công ty Bến Thành các phương án và kế hoạch triển khai dự án đầu tư tại các mặt bằng Công ty đang quản lý.
- Quản lý, khai thác tối đa hiệu quả các mặt bằng do Công ty sở hữu và các mặt bằng thuê.
- Phát triển và tìm hướng đi ổn định cho những ngành nghề kinh doanh camera, hoa tươi...
- Phát triển, đầu tư ngắn hạn và trung hạn vào lĩnh vực bất động sản, đất nền, căn hộ,...
- Phát triển, đầu tư dài hạn vào các lĩnh vực bất động sản lưu trú như khách sạn, hostel, căn hộ dịch vụ, bất động sản kho xưởng...

● TTDV Bến Thành

- Đầu năm 2018, Công ty đã đề ra chính sách kinh doanh mới nhằm tạo động lực, nâng cao năng suất lao động, đồng thời hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh của bộ phận Benthành Camera.

- Tiếp tục phát triển kinh doanh cho thuê dịch vụ kho bãi.

● Trung Tâm Dịch Vụ Kho Vận

- Đẩy mạnh, phát triển hiệu quả kinh doanh của Benthành Flower.
- Tìm kiếm, đề xuất hoạt động, lĩnh vực kinh doanh mới theo chiến lược của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.

• Trung Tâm Kinh Doanh Nhà Hàng Khách Sạn ĐaKao

- Trong năm 2018, Trung tâm tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh khách sạn để đảm bảo ổn định mặt bằng.
- Tìm kiếm phương án nhằm khắc phục khó khăn trong hoạt động kinh doanh khách sạn do ảnh hưởng từ việc thi công của công trình liền kề.
- Ổn định kinh doanh, đào tạo cán bộ công nhân viên đáp ứng hoàn thành được các kế hoạch công việc được giao.

• Bộ phận Đầu tư

- Định hướng và đề ra phương án đầu tư, xây dựng, sửa chữa để nâng cao hiệu quả sử dụng các mặt bằng của Công ty theo đúng pháp lý.
- Nghiên cứu và tìm kiếm các cơ hội đầu tư, đầu tư tài chính, hợp tác với các đối tác có năng lực và kinh nghiệm trong các lĩnh vực bất động sản, nhà hàng, kho bãi, khách sạn, v.v...
- Tìm kiếm các mặt bằng phù hợp và xây dựng phương án kinh doanh theo định hướng phát triển của Công ty về lĩnh vực dịch vụ lưu trú, văn phòng, dịch vụ bất động sản.
- Tiếp tục quản lý và nâng cao hiệu quả kinh doanh phù hợp với thực tế để nâng cao hiệu quả sử dụng các mặt bằng của Công ty.
- Tiếp tục thực hiện các dự án và tìm kiếm đối tác để phát triển.

c. Về công tác hành chính nhân sự

- Phối hợp với BP. Kế toán và BP. Đầu tư xây dựng và ban hành các quy chế phục vụ cho hoạt động của Công ty: Quy chế lương thưởng, Quy chế Tài chính, Quy chế Đầu tư,...
- Tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực hiện có của Công ty đáp ứng được yêu cầu công việc trong giai đoạn mới.
- Đề xuất thực hiện tăng lương tối thiểu vùng cho Cán bộ nhân viên Công ty theo quy định của Nghị định số 141/2017/NĐ-CP ban hành ngày 07/12/2017.

d. Về công tác tài chính kế toán

- Tăng cường công tác quản trị tài chính, kiểm soát chặt chẽ việc cân đối nguồn vốn, đảm bảo tình hình tài chính ổn định, lành mạnh và tái cơ cấu vốn, đồng thời vốn hóa tài sản hợp lý.
- Tổ chức phân tích, đánh giá, kiểm soát các khoản chi phí nhằm tiết kiệm chi phí, nghiên cứu các loại hình kinh doanh tài chính để tiến hành thực hiện, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

- Về tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 2017: đã hoàn thành được các chỉ tiêu cơ bản do Đại hội đồng cổ đông giao.
- Năm 2017, Công ty thực hiện tái cơ cấu hoạt động kinh doanh tại một số đơn vị trực thuộc, sắp xếp và tìm kiếm hoạt động phù hợp với quy mô và vốn nhưng vẫn đảm bảo ổn định nguồn thu cho Công ty. Kết quả kinh doanh năm 2017 đã hoàn thành các chỉ tiêu cơ bản do Đại hội đồng cổ đông giao.
- Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty đều được duy trì hoạt động ổn định đúng theo định hướng phát triển.
- Tình hình tài chính của Công ty lành mạnh; có đủ nguồn vốn đáp ứng nhu cầu vốn cho các dự án đầu tư và vốn lưu động của Công ty.
- Duy trì được thu nhập ổn định cho toàn thể người lao động, hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho ngân sách nhà nước.
- Nguồn lực về cơ sở vật chất của Công ty còn hạn chế. Đội ngũ cán bộ quản lý còn mỏng, năng lực chuyên môn và quản lý còn chưa đáp ứng được với mô hình và quy mô phát triển của Công ty.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

- Ban Tổng Giám đốc thực hiện đúng và nghiêm túc các Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quyết định của HĐQT.
- Trong năm 2017, Ban Điều hành đã chủ động thực hiện tái cơ cấu, sắp xếp lại lao động cho phù hợp với tình hình kinh doanh và tiết giảm chi phí hoạt động. Bên cạnh đó Ban Điều hành cũng tiếp tục rà soát tinh hiệu quả tại các mặt bằng cho thuê để tăng hiệu quả sử dụng vốn.
- Tổng Giám đốc chỉ đạo Công ty thực hiện báo cáo, công bố thông tin định kỳ và đột xuất theo đúng quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đối với công ty đại chúng. Các báo cáo tài chính quý, bán niên, năm và báo cáo quản trị được công bố kịp thời và đăng tải đầy đủ trên website Công ty, cung cấp thông tin đầy đủ, minh bạch cho cổ đông và các nhà đầu tư.
- Thực hiện trung thực, có trách nhiệm các quyền hạn, nghĩa vụ được giao vì lợi ích của công ty.
- Bảo toàn và phát triển tốt vốn của công ty.

- Xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn và kế hoạch tài chính hàng năm, phù hợp với kế hoạch kinh doanh, các định mức kinh tế-kỹ thuật, định mức lao động, định mức chi phí tài chính khác phù hợp với điều kiện kinh doanh của công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

- Chỉ đạo, quản trị hoạt động của Công ty, ổn định hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và phát triển thêm những lĩnh vực hoạt động mới phù hợp kinh doanh của công ty tạo giá trị mới bền vững.

- Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính Công ty an toàn, hiệu quả, tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư.

- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

- Chỉ đạo việc công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động khác của HĐQT theo đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình, kịp thời khắc phục những mặt yếu kém chưa làm được nhằm cùng Ban Tổng Giám đốc phấn đấu đưa Công ty ngày càng phát triển xứng đáng với kỳ vọng của Đại hội đồng cổ đông.

- Phấn đấu thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018, gia tăng giá trị doanh nghiệp và nâng cao lợi ích cho cổ đông. Tiết kiệm tối đa các chi phí để đảm bảo lợi nhuận.

- Nâng cao thu nhập người lao động, đào tạo tuyển dụng, tăng cường chất lượng chuyên môn nghiệp vụ và hiệu quả công việc.

- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp, thay đổi quan điểm và phong cách làm việc chuyên nghiệp.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

Thành phần HĐQT gồm :

1. Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Chủ tịch HĐQT
2. Ông Vũ Đình Thi	Thành viên HĐQT
3. Ông Trương Quang Thống	Thành viên HĐQT
4. Ông Bùi Tuấn Ngọc	Thành viên HĐQT
5. Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Số lượng CP có quyền biểu quyết		TV không điều hành	TV điều hành	Số lượng chức danh TV HĐQT nắm giữ tại Cty khác
		Cá nhân	Đại diện tổ chức			
1	Bà Nguyễn Thị Hương Giang	0	519.547		X	1
2	Ông Bùi Tuấn Ngọc	0		X		4
3	Ông Vũ Đình Thi	0	371.105		X	1
4	Ông Trương Quang Thống	0	296.884		X	1
5	Ông Bùi Minh Tuấn	152.000	0	X		0

b. Hoạt động của HĐQT

❖ Thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh năm 2017 do ĐHĐCĐ giao

Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế: Lợi nhuận trước thuế đạt **1,139 tỷ đồng**, đạt **113,9%** kế hoạch ĐHĐCĐ giao.

❖ Phân phối lợi nhuận năm 2016

HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2016 theo đúng nội dung Điều 4 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2017. Để tạo điều kiện cho Công ty thực hiện các dự án đầu tư, Đại hội đồng cổ đông chấp thuận tạm thời chưa chia cổ tức năm 2016.

❖ Chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2017

Đã tiến hành ký kết Hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES) thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty CP Dịch vụ Bến Thành.

❖ Thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2017

Trong năm, HĐQT đã tiến hành chi trả thù lao cho HĐQT, BKS với số tiền là 192 triệu đồng, thực hiện đúng theo nội dung Điều 6 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2017.

❖ Các hoạt động khác của Hội đồng quản trị năm 2017

- Tổ chức 05 phiên họp để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị với sự tham gia dự họp của Ban Kiểm soát và Giám đốc Bộ phận Tài chính – Kế toán. Nội dung họp HĐQT chủ yếu đề cập đến tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện các dự án đầu tư của Công ty... Các nội dung tại các cuộc họp HĐQT đều được các thành viên nhất trí thông qua với tỷ lệ 100%.
- Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã ban hành các Quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật liên quan về các vấn đề sau:
 - Quyết định về việc thông qua thời gian tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.
 - Quyết định về việc Thành lập Tổ kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông phục vụ cho ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.
 - Quyết định về việc kéo dài thời gian bổ nhiệm của Bà Võ Thúy Hạnh giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty CP Dịch vụ Bến Thành.
 - Quyết định về việc Ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của HĐQT và Ban TGD.
 - Quyết định về việc tái bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty CP Dịch vụ Bến Thành.
 - Các Nghị quyết và Quyết định khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Về công tác nhân sự, tổ chức:
 - Tái bổ nhiệm bà Võ Thúy Hạnh giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty CP Dịch vụ Bến Thành.
- Thực hiện việc công bố thông tin theo đúng quy định pháp luật.
- Thực hiện phối hợp tốt với Ban Kiểm soát tiếp tục duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác để đảm bảo thực hiện đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quyết định của HĐQT.
- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

2. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

Thành phần Ban kiểm soát gồm:

- | | |
|----------------------------|-----------------|
| 1. Bà Lại Thị Thanh Phương | Trưởng BKS |
| 2. Ông Phạm Tuấn Cường | Kiểm soát viên |
| 3. Ông Đào Phúc Long Phi | Kiểm soát viên. |

STT	Thành viên BKS	Số lượng CP có quyền biểu quyết	
		Cá nhân	Đại diện tổ chức
1	Bà Lại Thị Thanh Phương	0	296.884 CP
2	Ông Phạm Tuấn Cường	0	0
3	Ông Đào Phúc Long Phi	0	0

b. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Giám sát việc tuân thủ pháp luật Nhà nước, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ trong quá trình quản lý và điều hành hoạt động của Công ty.
- Giám sát thường xuyên việc thực hiện Nghị quyết của HĐQT, việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm.
- Giám sát tình hình hoạt động kinh doanh và thẩm định báo cáo tài chính định kỳ. Kiểm tra tính tuân thủ các chuẩn mực kế toán và chế độ tài chính hiện hành trong công tác hạch toán kế toán.
- Thực hiện các nghĩa vụ Ban Kiểm soát được quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều 32, Điều 33 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Dịch vụ Bến Thành.
- Tham dự đầy đủ các buổi họp Hội đồng Quản trị, tham gia đóng góp ý kiến về hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác quản trị của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và BKS

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

❖ Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát:

STT	Họ tên	Chức vụ	Thù lao (đồng)
1	Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Chủ tịch HĐQT	36.000.000
2	Ông Bùi Tuấn Ngọc	Thành viên HĐQT	24.000.000
3	Ông Vũ Đình Thi	Thành viên HĐQT	24.000.000
4	Ông Trương Quang Thống	Thành viên HĐQT	24.000.000
5	Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	24.000.000
6	Bà Lại Thị Thanh Phương	Trưởng BKS	24.000.000

7	Ông Đào Phúc Long Phi	Kiểm soát viên	12.000.000
8	Ông Phạm Tuấn Cường	Kiểm soát viên	12.000.000
9	Bà Nguyễn Phạm Thanh Trúc	Thư ký	12.000.000
	TỔNG CỘNG		192.000.000

Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Thư ký HĐQT nêu trên là thù lao được hưởng cố định theo thời gian trong năm 2017.

❖ **Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng:**

STT	Họ tên	Chức vụ	Tiền lương, thưởng (đồng)
1	Ông Vũ Đình Thi	Q. Tổng Giám đốc	441.468.800
2	Ông Trương Quang Thống	Phó Tổng Giám đốc	326.564.400
3	Bà Võ Thủy Hạnh	Kế toán trưởng	299.157.200

b. *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:* Không có

c. *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:* Không có.

d. *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:* Không có.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2017 Công ty CP Dịch vụ Bến Thành (đính kèm phụ lục).

- Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2017 Công ty CP Dịch vụ Bến Thành (vui lòng xem trên trang web: www.btsc.com.vn)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2018

Xác nhận của Đại diện theo pháp luật

CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Thị Hương Giang



Số: 2030/18/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính (hợp nhất) kèm theo của Công ty mẹ là Công ty CP Dịch vụ Bến Thành và công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 12 tháng 02 năm 2018, từ trang 07 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất).

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất). Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính (hợp nhất) dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính (hợp nhất) đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính (hợp nhất) của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và tình hình lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2018

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKH kiểm toán số 1512-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Thị Cẩm Hồng – Kiểm toán viên
Giấy CNDKH kiểm toán số 2849-2014-071-1

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu VIETVALUES.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		42.562.124.072	39.515.818.392
110	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	4.329.947.665	18.670.261.251
111	1. Tiền		4.329.947.665	4.670.261.251
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	14.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		31.000.000.000	17.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	31.000.000.000	17.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		6.217.426.662	3.385.353.369
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	280.049.650	292.414.655
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	1.306.810.621	128.091.392
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	4.630.566.391	2.964.847.322
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	56.774.121	57.098.479
141	1. Hàng tồn kho		56.774.121	57.098.479
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		957.975.624	403.105.293
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7a	810.106.773	171.969.162
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		147.868.851	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.14	-	231.136.131
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		5.013.044.185	5.429.524.920
210	1. Các khoản phải thu dài hạn		229.000.000	277.200.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.5b	961.566.805	1.009.766.805
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(732.566.805)	(732.566.805)
220	II. Tài sản cố định		447.402.177	618.058.017
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	447.402.177	618.058.017
222	- Nguyên giá		3.477.846.693	3.477.846.693
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.030.444.516)	(2.859.788.676)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.9	-	-
228	- Nguyên giá		97.200.000	97.200.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(97.200.000)	(97.200.000)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.10	1.828.519.304	1.930.223.072
231	- Nguyên giá		3.799.189.568	3.799.189.568
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.970.670.264)	(1.868.966.496)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.056.454.647	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	1.056.454.647	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.12	369.281.769	1.282.974.911
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		369.281.769	762.974.911
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		878.238.342	1.398.238.342
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(878.238.342)	(878.238.342)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.082.386.288	1.321.068.920
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7b	621.433.091	1.082.054.403
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.13	460.953.197	239.014.517
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		47.575.168.257	44.945.343.312

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		10.274.243.895	8.809.457.362
310	I. Nợ ngắn hạn		3.771.398.686	2.983.599.778
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	859.835.924	366.775.402
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		44.000.000	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	384.123.151	314.710.157
314	4. Phải trả người lao động	V.16	2.047.094.931	1.332.206.434
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17a	2.215.653	180.315.791
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		2.128.437	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.18a	172.348.763	626.393.467
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.19	259.651.827	163.198.527
330	II. Nợ dài hạn		6.502.845.209	5.825.857.584
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	V.17b	2.304.765.984	1.195.072.584
337	2. Phải trả dài hạn khác	V.18b	4.155.970.000	4.630.785.000
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	VI.11	42.109.225	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		37.300.924.362	36.135.885.950
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.20	37.300.924.362	36.135.885.950
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		31.507.470.000	31.507.470.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		2.562.312.219	2.397.782.838
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.497.142.143	2.230.633.112
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		1.785.743.731	397.502.441
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		711.398.412	1.833.130.671
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	V.21	734.000.000	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		47.575.168.257	44.945.343.312

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



HUỖNH THỊ KIM OANH



VÕ THÚY HẠNH



NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	22.546.914.635	47.397.185.573
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		22.546.914.635	47.397.185.573
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	11.405.814.598	32.898.774.629
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		11.141.100.037	14.498.410.944
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	2.280.288.738	1.264.539.548
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	74.437.650	3.269.822.255
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	8. Phần lãi/lỗ trong công ty liên doanh liên kết	VI.6	(205.856.286)	(131.649.968)
25	9. Chi phí bán hàng	VI.7	2.016.325.872	2.181.933.235
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.8	9.980.476.686	9.473.370.256
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.144.292.281	706.174.778
31	12. Thu nhập khác	VI.9	15.844	1.382.949.889
32	13. Chi phí khác	VI.10	609.183	64.854.916
40	14. Lợi nhuận khác		(593.339)	1.318.094.973
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.143.698.942	2.024.269.751
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.15	424.293.129	23.312.037
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	VI.11	(179.829.455)	487.313.867
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		899.235.268	1.513.643.847
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		899.235.268	1.513.643.847
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.12	235	391
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.13	235	391

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



HUỖNH THỊ KIM OANH



VÕ THÚY HẠNH



NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.143.698.942	2.024.269.751
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(1.958.111.704)	(8.482.554.569)
02	- Khấu hao tài sản cố định		272.359.608	382.743.744
03	- Các khoản dự phòng		-	61.098.986
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.230.471.312)	(8.926.397.299)
06	- Chi phí lãi vay		-	-
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(814.412.762)	(6.458.284.818)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(2.922.544.693)	1.117.147.173
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		324.358	230.060.694
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		1.772.738.739	(5.044.008.225)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(177.516.299)	(1.128.207.203)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(84.686.606)	(436.907.684)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		10.000.000	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(193.906.700)	(281.161.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.410.003.963)	(12.001.361.063)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.056.454.647)	(43.272.727)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	23.217.697.451
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(14.000.000.000)	(17.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(520.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		913.693.142	50.413.107
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.212.451.882	1.379.781.529
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(11.930.309.623)	7.084.619.360
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(5.198.727.073)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	(5.198.727.073)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(14.340.313.586)	(10.115.468.776)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		18.670.261.251	28.785.730.027
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	4.329.947.665	18.670.261.251

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

HUỖNH THỊ KIM OANH

Báo cáo này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính

VÕ THÚY HẠNH



NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành và 01 công ty con (sau đây gọi là "Tập đoàn").

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là dịch vụ, thương mại.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống;
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, bằng đường thủy nội địa;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa;
- Cho thuê văn phòng, căn hộ, kho bãi;
- Dịch vụ quản lý bất động sản;
- Kinh doanh bất động sản (trừ định giá bất động sản);
- Mua bán, sửa chữa, bảo hành đồng hồ, điện thoại, xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng, thiết bị ngoại vi và linh kiện, hàng kim khí điện máy, hàng điện tử, thiết bị viễn thông;
- Bán lẻ máy vi tính, phần mềm;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (trừ gia công cơ khí, xi mạ điện).

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn: 12 tháng.

1.5 Cấu trúc Công ty

Tên công ty	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành	38,34%	38,34%	38,34%
Công ty Cổ phần Bến Thành Nhất Việt	60,00%	60,00%	60,00%

1.6 Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 42 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 43 nhân viên).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Các báo cáo tài chính (hợp nhất) bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Công ty con. Các báo cáo tài chính của Công ty con đã được lập cho cùng kỳ tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính (hợp nhất), trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Tập đoàn và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất) và bảng cân đối kế toán (hợp nhất).

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát Công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính (hợp nhất) sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của Công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và thông tư sửa đổi bổ sung số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài Chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 20
Máy móc và thiết bị	03 – 07
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

4.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ và Công ty con cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BỀN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Doanh thu bán hàng hóa (hàng hóa bao gồm: thiết bị tin học; bia, rượu và nước ngọt các loại...)

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ (dịch vụ bao gồm: cho thuê phòng khách sạn, vận chuyển, mặt bằng ...)

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Tập đoàn là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bán giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

4.16 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết.

4.17 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của công ty.

4.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - + Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - + Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4.19 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trung việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4.20 Báo cáo theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) (ĐVT: VNĐ)

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Mã số	Chi tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
5.1.1	Tiền mặt	208.645.395	250.874.587
5.1.2	Tiền gửi ngân hàng	4.121.302.270	4.419.386.664
5.1.3	Các khoản tương đương tiền	-	14.000.000.000
Tổng cộng		4.329.947.665	18.670.261.251

5.2 Đầu tư ngắn hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

STT	Ngân hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
1	Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM	14.000.000.000	9.000.000.000
2	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	8.000.000.000	8.000.000.000
3	Ngân hàng TMCP Phương Đông – CN TP HCM	6.000.000.000	-
4	Ngân hàng TMCP Phương Đông – Hội Sở	3.000.000.000	-
Cộng		31.000.000.000	17.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu của khách hàng khác</i>	280.049.650	292.414.655
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Số 14	57.800.000	-
- Công ty Cổ Phần Mr Clean	55.000.000	-
- CN Công ty TNHH Vận tải và DVDL Hoa Mai	-	176.000.000
- Các đối tượng khác	167.249.650	116.414.655
Cộng	280.049.650	292.414.655

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	1.306.810.621	128.091.392
- Công ty TNHH KTĐT & Xây dựng Rồng Việt	1.085.415.561	-
- Công ty CP Đầu tư Bất động sản Nhất Việt	104.641.460	-
- Công ty TNHH Kiểm Toán & Tư Vấn Chuẩn Việt	46.750.000	44.000.000
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công Ích Quận 1	70.003.600	84.091.392
Cộng	1.306.810.621	128.091.392

5.5 Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5.5a Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	67.836.856	-	-	-
Công ty CP Giao nhận Bến Thành	67.836.856	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	4.562.729.535		2.964.847.322	
- Đặng Nguyễn Nhật Minh ^(*)	2.504.449.000	-	2.377.600.000	-
- Nguyễn Phạm Thanh Trúc	522.066.688	-	364.338.688	-
- Nguyễn Thị Huỳnh Trang	354.199.460	-	97.746.000	-
- Công ty CP TM Nguyễn Kim - TT KD Kho vận hậu mãi Nguyễn Kim	62.910.470	-	-	-
- Các đối tượng khác	1.119.103.917	-	125.162.634	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	67.836.856	-	-	-
Công ty CP Giao nhận Bến Thành	67.836.856	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	4.562.729.535		2.964.847.322	
Cộng	4.630.566.391	-	2.964.847.322	-

^(*) Là khoản chi tạm ứng để thực hiện các thủ tục pháp lý cho các dự án 21-23-27 Tôn Thất Thiệp, quận 1 và dự án khác.

5.5b Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	190.000.000	-	190.000.000	-
- Tổng Công ty Bến Thành-TNHH MTV (Ký cược, ký quỹ)	190.000.000	-	190.000.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	771.566.805	(732.566.805)	819.766.805	(732.566.805)
- Dự án TT TM và Căn hộ cao cấp 504 Nguyễn Tất Thành	732.566.805	(732.566.805)	732.566.805	(732.566.805)
- Lê Văn Sang	37.000.000	-	85.200.000	-
- Các đối tượng khác	2.000.000	-	2.000.000	-
Cộng	961.566.805	(732.566.805)	1.009.766.805	(732.566.805)

5.6 Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	9.901.000	-	4.800.000	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	-	-
Thành phẩm	-	-	-	-
Hàng hóa	46.873.121	-	52.298.479	-
Hàng gửi đi bán	-	-	-	-
Hàng hóa kho bảo thuế	-	-	-	-
Cộng	56.774.121		57.098.479	

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.7 Chi phí trả trước ngắn/ dài hạn**5.7a Chi phí trả trước ngắn hạn**

Tình hình biến động:

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	171.969.162	55.816.362
- Tăng trong năm	1.574.689.264	852.483.185
- Phân bổ trong năm	(936.551.653)	(736.330.385)
Số cuối năm	810.106.773	171.969.162

Chi tiết số dư:

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí sửa chữa nhà số 50 Camette	-	113.011.739
- Chi phí thuê mặt bằng tại 47 Phan Chu Trinh, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM	450.000.000	-
- Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	360.106.773	58.957.423
Cộng	810.106.773	171.969.162

5.7b Chi phí trả trước dài hạn

Tình hình biến động:

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	1.082.054.403	70.000.000
- Tăng trong năm	490.000.000	2.125.112.929
- Phân bổ trong năm	(950.621.312)	(1.113.058.526)
Số cuối năm	621.433.091	1.082.054.403

Chi tiết số dư:

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí sửa chữa nhà số 504 Nguyễn Tất Thành	226.598.868	519.350.255
- Chi phí sửa chữa nhà số 45/4 Nguyễn Thái Học	217.500.000	-
- Chi phí sửa chữa nhà số 390 Nguyễn Công Trứ	177.334.223	271.918.636
- Các chi phí trả trước dài hạn khác	-	290.785.512
Cộng	621.433.091	1.082.054.403

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BỀN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình như sau:

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	1.325.446.000	55.160.000	1.475.975.693	621.265.000	3.477.846.693
2. Tăng trong năm	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	1.325.446.000	55.160.000	1.475.975.693	621.265.000	3.477.846.693
Trong đó:					
Nguyên giá đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.048.326.000	55.160.000	670.575.693	374.090.909	2.148.152.602
II. Giá trị hao mòn					
1. Số dư đầu năm	1.281.117.031	55.160.000	989.379.847	534.131.798	2.859.788.676
2. Tăng trong năm	14.776.344	-	100.674.996	55.204.500	170.655.840
- Khấu hao trong năm	14.776.344	-	100.674.996	55.204.500	170.655.840
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	1.295.893.375	55.160.000	1.090.054.843	589.336.298	3.030.444.516
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	44.328.969	-	486.595.846	87.133.202	618.058.017
2. Tại ngày cuối năm	29.552.625	-	385.920.850	31.928.702	447.402.177

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.9 Tài sản cố định vô hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình như sau:

Chỉ tiêu	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	97.200.000	97.200.000
2. Tăng trong năm	-	-
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	97.200.000	97.200.000
II. Giá trị hao mòn		
1. Số dư đầu năm	97.200.000	97.200.000
2. Tăng trong năm	-	-
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	97.200.000	97.200.000
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	-	-
2. Tại ngày cuối năm	-	-

Trong đó: nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 97.200.000 đồng.

5.10 Bất động sản đầu tư

Chi tiết tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư như sau:

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	3.799.189.568	3.799.189.568
2. Tăng trong năm	-	-
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	3.799.189.568	3.799.189.568
II. Giá trị hao mòn		
1. Số dư đầu năm	1.868.966.496	1.868.966.496
2. Tăng trong năm	101.703.768	101.703.768
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	1.970.670.264	1.970.670.264
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	1.930.223.072	1.930.223.072
2. Tại ngày cuối năm	1.828.519.304	1.828.519.304

Trong đó: nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 759.789.626 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.056.454.647	-
- Khác	-	-
Cộng	1.056.454.647	-

5.12 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>	<i>369.281.769</i>	<i>-</i>	<i>369.281.769</i>	<i>762.974.911</i>	<i>-</i>	<i>762.974.911</i>
Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành ⁽¹⁾	369.281.769	-	369.281.769	762.974.911	-	762.974.911
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	<i>878.238.342</i>	<i>(878.238.342)</i>	<i>-</i>	<i>1.398.238.342</i>	<i>(878.238.342)</i>	<i>520.000.000</i>
Công ty Cổ phần Giao dịch Bất động sản Bến Thành – Đức Khải ⁽²⁾	878.238.342	(878.238.342)	-	878.238.342	(878.238.342)	-
Công ty TNHH TM DV Cao Sáng	-	-	-	520.000.000	-	520.000.000
Cộng	1.247.520.111	(878.238.342)	369.281.769	2.161.213.253	(878.238.342)	1.282.974.911

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	762.974.911	894.624.879
Phần lợi nhuận sau thuế trong kết quả kinh doanh của công ty liên kết	(205.856.286)	(131.649.968)
Cổ tức nhận được	(187.836.856)	-
Số dư cuối năm	369.281.769	762.974.911

⁽¹⁾ Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành, tỷ lệ góp vốn 50,00% vốn điều lệ, tỷ lệ thực góp 38,34% (tương đương 575.138.055 đồng). Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310074516 ngày 21/06/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp với vốn điều lệ là 1.500.000.000 đồng.

⁽²⁾ Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao dịch Bất động sản Bến Thành – Đức Khải, tỷ lệ góp vốn là 6% vốn điều lệ, tỷ lệ thực góp là 6,3% (tương đương 1.500.000.000 đồng). Công ty Cổ phần Giao dịch

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bất động sản Bến Thành – Đức Khải hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103013084 ngày 20/04/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp, thay đổi lần thứ 8 ngày 19/07/2013. Giá trị vốn góp tại thời điểm 31/12/2017 là 878.238.342 đồng.

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết

Công ty Cổ phần Giao dịch Bất động sản Bến Thành – Đức Khải hiện chưa hoàn thành thủ tục giải thể.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(878.238.342)	(147.512.732)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(730.725.610)
Tăng khác	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Giảm khác	-	-
Số cuối năm	(878.238.342)	(878.238.342)

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành		
Doanh thu bảo trì thiết bị máy tính	3.054.545	10.986.726
Thu tiền cổ tức từ năm 2012 đến 2016	187.836.856	-
Tiền lãi vay trong năm	-	667.742
Công ty TNHH TM DV Cao Sáng		
Trả tiền phạt vi phạm hợp đồng hợp tác kinh doanh nhà hàng	750.000.000	-
Thu hồi khoản đầu tư góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh nhà hàng	520.000.000	-
Trả tiền đặt cọc hợp tác kinh doanh nhà hàng	250.000.000	-

5.13 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Số đầu năm	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	Số cuối năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	239.014.517	221.938.680	460.953.197
Chi phí thuế đất và chi phí khác trích trước	239.014.517	221.938.680	460.953.197
Cộng	239.014.517	221.938.680	460.953.197

5.14 Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>859.835.924</i>	<i>366.775.402</i>
- Công ty Xây dựng Giao thông Sài Gòn	366.283.402	366.283.402
- Công ty TNHH Truyền thông và In ấn Đất Việt	220.000.000	-
- Các đối tượng khác	273.552.522	492.000
Cộng	859.835.924	366.775.402

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	270.004.973	-	1.123.231.671	(1.153.980.976)	239.255.668	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	231.136.131	424.293.129	(84.686.606)	108.470.392	-
Thuế thu nhập cá nhân	44.705.184	-	205.908.625	(214.216.718)	36.397.091	-
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	(5.000.000)	-	-
Cộng	314.710.157	231.136.131	1.758.433.425	(1.457.884.300)	384.123.151	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BỀN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.143.698.942	2.024.269.751
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	977.766.704	(1.908.552.168)
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.365.365.984	1.261.290.520
+ Chi phí trích trước	2.304.765.984	1.195.072.584
+ Thù lao HĐQT và BKS	60.000.000	60.000.000
+ Chi phí phạt + truy thu thuế	600.000	6.217.936
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.387.599.280)	(3.169.842.688)
+ Hoàn nhập chi phí trích trước	(1.195.072.584)	(3.301.492.656)
+ Hoàn nhập chi phí dự phòng tổn thất khoản đầu tư vào công ty liên kết	(210.546.126)	-
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	(187.836.856)	-
+ Phần lãi/lỗ trong công ty liên doanh liên kết	205.856.286	131.649.968
Thu nhập chịu thuế	2.121.465.646	115.717.583
Trong đó:		
+ Thu nhập chịu thuế năm nay	3.316.538.230	3.417.210.239
+ Thu nhập chịu thuế năm trước được khấu trừ	(1.195.072.584)	(3.301.492.656)
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	663.307.646	683.442.048
Thuế TNDN hoàn nhập năm trước	(239.014.517)	(660.298.531)
Thuế TNDN truy thu các năm trước	-	168.520
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	424.293.129	23.312.037

5.16 Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	2.047.094.931	1.332.206.434
Tiền thưởng phải trả	-	-
Cộng	2.047.094.931	1.332.206.434

Quỹ lương năm 2017 được trích theo Nghị Quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 04 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.14 Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>859.835.924</i>	<i>366.775.402</i>
- Công ty Xây dựng Giao thông Sài Gòn	366.283.402	366.283.402
- Công ty TNHH Truyền thông và In ấn Đất Việt	220.000.000	-
- Các đối tượng khác	273.552.522	492.000
Cộng	859.835.924	366.775.402

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

		Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
		Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa		270.004.973	-	1.123.231.671	(1.153.980.976)	239.255.668	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp		-	231.136.131	424.293.129	(84.686.606)	108.470.392	-
Thuế thu nhập cá nhân		44.705.184	-	205.908.625	(214.216.718)	36.397.091	-
Các loại thuế khác		-	-	5.000.000	(5.000.000)	-	-
Cộng		314.710.157	231.136.131	1.758.433.425	(1.457.884.300)	384.123.151	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.18b Phải trả dài hạn khác

Chủ yếu là khoản tiền đặt cọc cho thuê mặt bằng.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	4.155.970.000	4.630.785.000
- Công ty CP TM Nguyễn Kim	1.000.000.000	1.000.000.000
- Công ty TNHH TM&DV Vi Biển - Akuruhi	576.000.000	-
- Phạm Thị Diễm Phương	500.000.000	500.000.000
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ VISACOOP	320.000.000	150.000.000
- Công ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất	300.000.000	300.000.000
- Công ty TNHH Dây cáp điện TaTun Đệ Nhất	300.000.000	300.000.000
- Công ty TNHH Vận tải và DVDL Hoa Mai	240.000.000	240.000.000
- Công ty TNHH MTV Giải Trí TM DV C&C	240.000.000	-
- Công ty TNHH Việt An Phát	-	1.124.000.000
- Các đối tượng khác	679.970.000	1.016.785.000
Cộng	4.155.970.000	4.630.785.000

5.19 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	122.443.585	140.180.000	10.000.000	(88.320.000)	184.303.585
Quỹ phúc lợi	40.754.942	140.180.000	-	(105.586.700)	75.348.242
Cộng	163.198.527	280.360.000	10.000.000	(193.906.700)	259.651.827

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.20 Vốn chủ sở hữu**5.20a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
A	1	2	3	4	5
Số dư đầu năm trước	31.507.470.000	2.203.439.962	6.121.827.589	-	39.832.737.551
Tăng trong năm trước	-	194.342.876	1.833.130.671	-	2.027.473.547
- Tăng từ lợi nhuận	-	194.342.876	1.645.293.815	-	1.839.636.691
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của công ty liên kết	-	-	187.836.856	-	187.836.856
Giảm trong năm trước	-	-	5.724.325.148	-	5.724.325.148
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	194.342.876	-	194.342.876
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	331.249.722	-	331.249.722
- Trích cổ tức phải trả	-	-	5.198.732.550	-	5.198.732.550
Số dư cuối năm trước, số dư đầu năm nay	31.507.470.000	2.397.782.838	2.230.633.112	-	36.135.885.950
Tăng trong năm	-	164.529.381	711.398.412	734.000.000	1.609.927.793
- Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh năm nay	-	164.529.381	899.235.268	-	1.063.764.649
- Thu tiền góp vốn của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	734.000.000	734.000.000
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của các công ty liên kết	-	-	(187.836.856)	-	(187.836.856)
Giảm trong năm	-	-	444.889.381	-	444.889.381
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	164.529.381	-	164.529.381
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	280.360.000	-	280.360.000
Số dư cuối năm	31.507.470.000	2.562.312.219	2.497.142.143	734.000.000	37.300.924.362

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.20b Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Số cuối năm	Số đầu năm
- Cổ đông Nhà Nước	47,11	14.844.200.000	14.844.200.000
- Cổ đông khác	52,89	16.663.270.000	16.663.270.000
Cộng	100,00	31.507.470.000	31.507.470.000

5.20c Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	31.507.470.000	31.507.470.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	31.507.470.000	31.507.470.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	5.198.732.550

5.20d Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.150.747	3.150.747
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.150.747	3.150.747
- Cổ phiếu phổ thông	3.150.747	3.150.747
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.150.747	3.150.747
- Cổ phiếu phổ thông	3.150.747	3.150.747
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

5.20e. Các quỹ của doanh nghiệp**Quỹ đầu tư phát triển:**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

5.20f Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 ngày 20 tháng 04 năm 2017 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	-
• Trích quỹ đầu tư phát triển	164.529.382
• Trích quỹ khen thưởng	140.180.000
• Trích quỹ phúc lợi	140.180.000

5.21 Lợi ích cổ đông không kiểm soát

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Thu tiền góp vốn của cổ đông không kiểm soát	734.000.000	-
Số cuối năm	734.000.000	-

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HỢP NHẤT) (ĐVT: VNĐ)

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	2.193.544.782	1.107.256.844
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.529.733.495	23.041.831.277
- Doanh thu cho thuê bất động sản	823.636.358	1.553.127.270
- Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	-	21.694.970.182
Cộng	22.546.914.635	47.397.185.573

6.2 Giá vốn hàng bán

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.911.135.885	887.966.283
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	9.392.974.945	11.485.532.638
- Giá vốn của bất động sản cho thuê	101.703.768	101.703.768
- Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	-	20.423.571.940
Cộng	11.405.814.598	32.898.774.629

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng	2.092.451.882	1.248.131.561
- Cổ tức được chia	187.836.856	-
- Lãi cho vay	-	16.407.987
Cộng	2.280.288.738	1.264.539.548

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.4 Chi phí tài chính

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh shop hoa	74.437.650	-
- Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh nhà hàng Bến Thành với Tổng Công ty Bến Thành	-	2.539.096.645
- Dự phòng đầu tư tài chính	-	730.725.610
Cộng	74.437.650	3.269.822.255

6.5 Phần lãi/ lỗ trong công ty liên doanh liên kết

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành	(205.856.286)	(131.649.968)
Cộng	(205.856.286)	(131.649.968)

6.6 Chi phí bán hàng

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên bán hàng	1.199.433.000	1.243.561.500
- Chi phí vật liệu, công cụ quản lý	58.654.027	38.647.273
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	17.061.536
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	278.510.389	400.564.085
- Các chi phí bằng tiền khác	479.728.456	482.098.841
Cộng	2.016.325.872	2.181.933.235

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	5.368.854.304	5.445.640.459
- Chi phí vật liệu, công cụ quản lý	144.655.783	314.686.715
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	170.655.840	148.811.204
- Thuế, phí và lệ phí	136.254.624	310.903.217
- Hoàn nhập chi phí trích tiền thuê đất năm trước	-	(1.674.393.695)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.103.674.944	2.074.213.851
- Các chi phí bằng tiền khác	2.056.381.191	2.853.508.505
Cộng	9.980.476.686	9.473.370.256

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BỀN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.8 Thu nhập khác

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý tài sản cố định	-	514.737.189
- Thu nhập khác từ mua bán xe	-	63.636.364
- Thu nhập khác	15.844	804.576.336
Cộng	15.844	1.382.949.889

6.9 Chi phí khác

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí từ mua bán xe	-	63.636.364
- Các khoản truy thu thuế và phạt vi phạm	600.000	1.217.936
- Chi phí khác	9.183	616
Cộng	609.183	64.854.916

6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	239.014.517	726.328.384
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(460.953.197)	(239.014.517)
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	42.109.225	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:	(179.829.455)	487.313.867

6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	899.235.268	1.513.643.847
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ^(*)	(159.607.054)	(280.360.000)
- Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	739.628.214	1.233.283.847
- Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (Cổ phiếu)	3.150.747	3.150.747
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/Cổ phiếu)	235	391

^(*) Là Quỹ khen thưởng năm nay tạm trích theo tỷ lệ thực trích của năm trước và sẽ điều chỉnh khi có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

6.12 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	899.235.268	1.513.643.848
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:	-	-
+ Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(159.607.054)	(280.360.000)
- Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	739.628.214	1.233.283.848
- Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.150.747	3.150.747
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đ/Cổ phiếu)	235	391

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	3.150.747	3.150.747
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm:	-	-
+ Trái phiếu chuyển đổi	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông phát hành có điều kiện	-	-
+ Hợp đồng được thanh toán bằng cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.150.747	3.150.747

6.13 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	431.345.510
- Chi phí nhân công	7.418.520.186	8.248.406.522
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	272.359.608	382.743.744
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.098.030.605	5.510.467.367
- Các chi phí bằng tiền khác	2.829.243.691	3.467.270.458
Cộng	14.618.154.090	18.040.233.601

7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****7.1a Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Tiền lương	993.225.000	1.362.389.000
- Thù lao, thưởng khác	114.000.000	72.000.000
Cộng	1.107.225.000	1.434.389.000

7.1b Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tỷ lệ góp vốn
Tổng Công Bến Thành TNHH MTV	Chủ sở hữu	47,11%
Công ty Cổ phần Bến Thành Nhất Việt	Công ty con	60,00%
Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành	Công ty liên kết	50,00%

Giao dịch với các bên liên quan khác

Giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số 5.11. Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công Bến Thành TNHH MTV		
- Chia lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh	-	1.288.223.311
- Doanh thu bán hoa tươi	265.046.925	-
- Doanh thu bán camera	22.650.000	-

Chi tiết số dư công nợ:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công Bến Thành TNHH MTV		
- Phải thu dài hạn khác	190.000.000	190.000.000
- Phải trả ngắn hạn khác	-	620.702.509

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BỀN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

7.2 Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chủ yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Kinh doanh hàng hoá
- Kinh doanh dịch vụ
- Kinh doanh cho thuê bất động sản

	Kinh doanh hàng hoá	Kinh doanh dịch vụ	Kinh doanh cho thuê bất động sản	Chuyển nhượng bất động sản	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần	2.193.544.782	19.529.733.495	823.636.358	-	22.546.914.635
Giá vốn hàng bán	1.911.135.885	9.392.974.945	101.703.768	-	11.405.814.598
<i>Lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>282.408.897</i>	<i>10.136.758.550</i>	<i>721.932.590</i>	<i>-</i>	<i>11.141.100.037</i>
Năm trước					
Doanh thu thuần	1.107.256.844	23.041.831.277	1.553.127.270	21.694.970.182	47.397.185.573
Giá vốn hàng bán	887.966.283	11.485.532.638	101.703.768	20.423.571.940	32.898.774.629
<i>Lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>219.290.561</i>	<i>11.556.298.639</i>	<i>1.451.423.502</i>	<i>1.271.398.242</i>	<i>14.498.410.944</i>

Khu vực địa lý

Tất các sản phẩm và dịch vụ của Công ty được tiêu thụ và cung cấp tại Việt Nam.

7.3 Số liệu so sánh

Trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu do điều chỉnh trích quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 04 năm 2017.

	<u>Mã số</u>	<u>Số trước điều chỉnh</u>	<u>Các điều chỉnh</u>	<u>Số sau điều chỉnh</u>
	<u>(1)</u>	<u>(2)</u>	<u>(3)</u>	<u>(2)+(3)</u>
Kết quả kinh doanh				
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	417	(26)	391
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	417	(26)	391

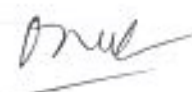
7.4 Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Do vậy, Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

7.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Tập đoàn không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Tập đoàn và kết quả kinh doanh của Tập đoàn trong các kỳ sau ngày kết thúc năm tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2018.

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
		
HUỲNH THỊ KIM OANH	VÕ THỦY HẠNH	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG



